

TRƯỜNG THPT BẢO LỘC  
TỔ NGŨ VĂN – ĐỊA LÝ

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ  
CUỐI HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2021 – 2022  
MÔN: NGŨ VĂN 10**

## **A/ CẤU TRÚC ĐỀ**

**I. Thời gian:** 90 phút

**II. Cấu trúc:** 2 phần

**1. Phần đọc hiểu (4 điểm):** Từ văn bản ngữ liệu, trả lời 6 câu hỏi:

- 03 câu nhận biết
- 02 câu thông hiểu
- 01 câu vận dụng

**2. Phần làm văn (6 điểm)**

- Kiểu bài: Nghị luận văn học (6,0 điểm)
- Hình thức: Viết **một bài văn hoàn chỉnh** (mở bài, thân bài, kết luận) cảm nhận hoặc phân tích một bài/đoạn thơ Đường luật trung đại Việt Nam trong Sách giáo khoa Ngữ văn 10, tập I theo giới hạn ở phần B/ Nội dung ôn tập.

## **B/ NỘI DUNG ÔN TẬP**

**I. Phần đọc hiểu (4 điểm):**

- 1. Thể loại văn bản đọc hiểu:** Ca dao Việt Nam (ngoài sách giáo khoa).
- 2. Các dạng câu hỏi cần ôn luyện**

**Nhận biết:**

- Xác định được phương thức biểu đạt, thể thơ, nhân vật trữ tình của bài ca dao.
- Xác định được đề tài, chi tiết nghệ thuật đặc sắc của bài ca dao.
- Chỉ ra được thông tin trong văn bản.
- Nhận diện đặc điểm của giao tiếp bằng ngôn ngữ, các chức năng của ngôn ngữ trong giao tiếp, các nhân tố tham gia giao tiếp thể hiện trong bài ca dao.

**Thông hiểu:**

- Hiểu được đặc sắc về nội dung của bài ca dao: tâm tư, tình cảm của nhân vật trữ tình...

- Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của bài ca dao: ngôn ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ...
- Hiểu được một số đặc trưng của thể trữ tình dân gian thể hiện trong bài ca dao.

### **Vận dụng:**

- Nhận xét ý nghĩa, giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức của bài ca dao.
- Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung bài ca dao.

## **II. Phần làm văn (6đ)**

### **1. Giới hạn ôn tập**

- Tỏ lòng (Phạm Ngũ Lão)
- Cảnh ngày hè (Nguyễn Trãi)
- Nhàn (Nguyễn Bỉnh Khiêm)

### **2. Yêu cầu:**

- Viết **một bài văn hoàn chỉnh** (mở bài, thân bài, kết luận) cảm nhận hoặc phân tích một bài/đoạn thơ Đường luật trung đại Việt Nam trong Sách giáo khoa Ngữ văn 10, tập I
- Cần nắm vững kiến thức về:
  - + Tác giả, thể loại, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.
  - + Nội dung của tác phẩm.
  - + Nghệ thuật và ý nghĩa của tác phẩm.
  - + Đánh giá, nhận xét giá trị của các bài thơ, thông điệp trong tác phẩm đối với cuộc sống, xã hội hiện tại.

**Tổ trưởng**

**Người soạn**

**Phê duyệt của BGH**

Nguyễn Thị Bảo Thúy

Trần Thị Thu Thủy

**C/ ĐỀ MINH HỌA VÀ ĐÁP ÁN****BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2021 - 2022**ĐỀ MINH HỌA**Môn: Ngữ văn, lớp 10***Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề**Họ và tên học sinh: ..... Mã số học sinh: .....***I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)****Đọc bài ca dao:**

*Hôm qua tát nước đầu đình,  
 Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen.  
 Em được thì cho anh xin,  
 Hay là em để làm tin trong nhà?  
 Áo anh sứt chỉ đường tà,  
 Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu,  
 Áo anh sứt chỉ đã lâu,  
 Mai mượn cô ấy về khâu cho cùng.  
 Khâu rồi anh sẽ trả công,  
 Đến lúc lấy chồng, anh sẽ giúp cho,  
 Giúp em một thúng xôi vò  
 Một con lợn béo, một vò rượu tăm,  
 Giúp cho đôi chiếu em nằm,  
 Đôi chăn em đắp, đôi trằm em đeo,  
 Giúp cho quan tám tiền cheo,  
 Quan năm tiền cưới, lại đèo buồng cau.*

*(Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam, Vũ Ngọc Phan,**NXB Văn học, 2005, tr. 271)***Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1.** Xác định thể thơ của bài ca dao.

**Câu 2.** Chàng trai trong bài ca dao bỏ quên áo trong hoàn cảnh nào?

**Câu 3.** Theo lời chàng trai trong bài ca dao, hoàn cảnh gia đình của anh như thế nào?

**Câu 4.** Anh/Chị hiểu như thế nào về từ “*cô ấy*” được chàng trai nói đến câu “*Mai mượn cô ấy về khâu cho cùng*”?

**Câu 5.** Những lễ vật mà chàng trai hứa trả công cho người khâu áo giúp anh có ý nghĩa gì?

**Câu 6.** Anh/Chị có nhận xét gì về cách bày tỏ tình cảm của chàng trai trong bài ca dao?

## II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Trình bày cảm nhận của anh/chị về bài thơ sau:

### Nhàn

(Nguyễn Bình Khiêm)

*Một mai, một cuốc, một cần câu,  
Thơ thần dầu ai vui thú nào.  
Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ,  
Người khôn, người đến chốn lao xao.  
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,  
Xuân tắm hồ sen hạ tắm ao.  
Rượu, đến cội cây ta sẽ uống,  
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.*

(Theo *Ngữ văn 10*, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr. 129)

-----HẾT -----

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2021 – 2022**

**ĐỀ MINH HỌA**

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Môn: Ngữ văn, lớp 10**

(*Đáp án và Hướng dẫn chấm gồm .... trang*)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
<b>I</b>		<b>ĐỌC HIỂU</b>	<b>4,0</b>
	<b>1</b>	Thể thơ: lục bát <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng thể thơ: không cho điểm.	0,5
	<b>2</b>	Chàng trai trong bài ca dao bỏ quên áo trong hoàn cảnh: <i>đêm qua tát nước đầu đình.</i>	0,5

	<p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm.</li> <li>- Học sinh trả lời “đêm qua” hoặc “tát nước”/ “tát nước đầu đình”: 0,25 điểm.</li> </ul>	
3	<p>Hoàn cảnh gia đình của chàng trai: chưa có vợ, nhà có mẹ già.</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm.</li> <li>- Học sinh trả lời 01 trong 02 ý của Đáp án hoặc chép nguyên văn câu thơ “vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu”: 0,25 điểm.</li> </ul>	0,5
4	<p>Từ “cô ấy”:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- “Cô ấy” thực chất để chỉ “em”.</li> <li>- Cách gọi lấp lửng thể hiện sự ý nhị, khéo léo của chàng trai.</li> </ul> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm</li> <li>- Học sinh trả lời 01 trong 02 ý của đáp án: 0,5 điểm</li> </ul>	0,75
5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Những lễ vật hứa trả công cho người giúp khâu áo là đồ sính lễ/ lễ vật cho đám cưới.</li> <li>- Ý nghĩa: thể hiện sự trân trọng cô gái; mong muốn được kết duyên với cô gái của chàng trai.</li> </ul> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm</li> <li>- Học sinh trả lời 01 trong 02 ý của đáp án: 0,5 điểm</li> </ul>	0,75
6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nhận xét về cách tỏ tình của chàng trai: khéo léo, tế nhị, hóm hỉnh, chân thành...</li> </ul> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày thuyết phục: 1,0 điểm.</li> <li>- Trình bày chung chung: 0,5 điểm-0,75 điểm.</li> <li>- Trình bày thiếu thuyết phục: 0,25 điểm.</li> </ul>	1,0
<b>II</b>	<b>LÀM VĂN</b>	
	<p><b>Trình bày cảm nhận của anh/chị về bài thơ <i>Nhàn</i> của Nguyễn Bình Khiêm</b></p>	<b>6,0</b>
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề</p>	0,5
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</p>	0,5

<p>Bài thơ <i>Nhàn</i> của Nguyễn Bình Khiêm</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p>- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.</p> <p>- Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.</p>	
<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	
<p>* Giới thiệu tác giả Nguyễn Bình Khiêm, tác phẩm <i>Nhàn</i>.</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p>- Giới thiệu tác giả: 0.25 điểm</p> <p>- Giới thiệu tác phẩm: 0.25 điểm</p>	0,5
<p>* Bài thơ thể hiện quan niệm, lối sống nhàn dật của người ẩn sĩ với những biểu hiện sau:</p> <p>- Nhàn là vui với thú điền viên (<i>một mai, một cuốc, một cần câu</i>), mặc cho “<i>ai vui thú nào</i>”.</p> <p>- Nhàn là nhận <i>dại</i> về mình, nhường <i>khôn</i> cho người, tìm về chốn thôn quê thanh vắng, đứng ngoài vòng danh lợi để được sống tự do, tự tại.</p> <p>- Nhàn là thoải mái tận hưởng những thú có sẵn ở chốn thôn quê, thuận theo lẽ tự nhiên mà không cần mưu cầu, tranh đoạt, coi phú quý như chiêm bao.</p> <p>* <i>Nghệ thuật</i>: thể thơ thất ngôn, ngôn từ giản dị, nhịp điệu khoan thai, hình ảnh, chi tiết giàu ý nghĩa biểu tượng...</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p>- Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm</p> <p>- Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 2,25 điểm - 1,25 điểm.</p> <p>- Trình bày chung chung, chưa rõ: 0,25 điểm – 1,0 điểm</p>	2,5
<p> * <i>Đánh giá</i>:</p> <p>Bài thơ bộc lộ thái độ coi thường danh lợi trong hoàn cảnh chế độ phong kiến suy vi; thể hiện nhân cách cao, tài năng thi ca của Nguyễn Bình Khiêm.</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p>- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0,5
<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,5

	<p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p><i>Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i></p>	
	<p><i>e. Sáng tạo: vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</i></p> <p><b>Hướng dẫn chấm</b></p> <p>+ <i>Đáp ứng được 3 yêu cầu trở lên: 1,0 điểm.</i></p> <p>+ <i>Đáp ứng được 2 yêu cầu: 0,75 điểm.</i></p> <p>+ <i>Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,5 điểm.</i></p>	1,0
<b>Tổng điểm</b>		<b>10,0</b>

-----Hết-----

**TRƯỜNG THPT BẢO LỘC**  
**ĐỀ MINH HỌA SỐ 2**

**KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2021 – 2022**  
**MÔN: NGỮ VĂN 10**

*Thời gian làm bài 90 phút, không kể thời gian phát đề*

Họ và tên học sinh: ..... Lớp .....

**I. ĐỌC – HIỂU (4 điểm)**

**Đọc văn bản:**

*Trèo lên cây bưởi hái hoa,  
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân.  
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,  
Em đã có chồng anh tiếc lắm thay.  
Ba đồng một mớ trâu cày,  
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không.  
Bây giờ em đã có chồng,  
Như chim vào lồng như cá mắc câu.  
Cá mắc câu biết đâu mà gỡ,  
Chim vào lồng biết thuở nào ra ?*

*(Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam, Vũ Ngọc Phan, NXB Khoa học xã hội, 1978)*

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1.** Xác định thể thơ của văn bản.

**Câu 2.** Văn bản trên sử dụng các phương thức biểu đạt nào?

**Câu 3.** Xác định các nhân vật trữ tình trong bài dao trên.

**Câu 4.** Nêu nội dung chính của văn bản.

**Câu 5.** Chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

*“Bây giờ em đã có chồng,*

*Như chim vào lồng như cá mắc câu.”*

**Câu 6.** Viết đoạn văn từ 5 đến 7 dòng nêu cảm nhận của anh/chị về tâm trạng của nhân vật “em” trong 4 câu thơ cuối của văn bản.

## II. LÀM VĂN (6 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về bài thơ sau:

Tỏ lòng

*Múa giáo non sông trải mấy thu,  
Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu.  
Công danh nam tử còn vương nợ,  
Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu.*

(Tỏ lòng-Phạm Ngũ Lão, Ngữ văn 10, tập 1,  
NXB Giáo dục, 2006, tr.115-116)

-----HẾT-----

**TRƯỜNG THPT BẢO LỘC**  
**ĐỀ MINH HỌA SỐ 2**

**KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2021 – 2022**

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Môn: Ngữ văn, lớp 10**

*(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm 04 trang)*

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
<b>I</b>		<b>ĐỌC HIỂU</b>	<b>4,0</b>
	<b>1</b>	Thê thơ: lục bát <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng phương thức biểu đạt chính: không cho điểm.	0,5
	<b>2</b>	Các phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Học sinh trả lời đúng 03 yêu cầu như Đáp án : 0,75 điểm. - Học sinh trả lời đúng 02 yêu cầu trong Đáp án : 0,5 điểm. - Học sinh trả lời đúng 01 yêu cầu trong Đáp án : 0,25 điểm. - Học sinh trả lời không đúng yêu cầu nào: không cho điểm.	0,75
	<b>3</b>	Các nhân vật trữ tình trong bài ca dao: chàng trai, cô gái. <b>Hướng dẫn chấm:</b>	0,5

		<p>- Học sinh trả lời 02 yêu cầu như Đáp án: 0,5 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời được 01 yêu cầu trong Đáp án: 0,25 điểm</p>	
	<b>4</b>	<p>Nội dung của văn bản:</p> <p>- Lời than vãn, tiếc nuối của chàng trai về việc cô gái đã đi lấy chồng.</p> <p>- Lời trách móc của cô gái vì chàng trai quá chậm trễ trong việc bày tỏ tình cảm với cô.</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p>- Học sinh trả lời 02 yêu cầu như Đáp án: 0,5 điểm</p> <p>- Học sinh trả lời được 01 yêu cầu trong Đáp án: 0,5 điểm</p>	0,5
	<b>5</b>	<p>- Biện pháp tu từ: So sánh - em đã lấy chồng ...như chim vào lồng, như cá mắc câu” / hoặc ẩn dụ “chim vào lồng, cá mắc câu”. <b>(0.5 đ)</b></p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Gợi tình cảnh gò bó, tù túng, bị ràng buộc bởi hôn nhân của cô gái. <b>(0.25đ)</b></p> <p>+ Gợi cảm xúc buồn bã, tiếc nuối của cô gái <b>(0.25 đ)</b>.</p>	1.0
	<b>6</b>	<p>Tâm trạng của cô gái trong bài ca dao: trách móc chàng trai khiến đôi lứa lỡ duyên; buồn bã khi phải sống trong cảnh cá chậu chim lồng đầy ràng buộc; tiếc nuối, xót xa...</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p>- Học sinh viết đoạn văn theo yêu cầu.</p> <p>- Học sinh nêu cảm nhận về tâm trạng của cô gái trong bài ca dao:</p> <p>+ Trình bày thuyết phục: 0,75 điểm;</p> <p>+ Trình bày chung chung: 0,5 điểm;</p> <p>+ Trình bày thiếu thuyết phục: 0,25 điểm.</p>	0.75
<b>II</b>		<b>LÀM VĂN</b>	<b>6,0</b>
		<b>Cảm nhận của anh/chị về bài thơ “Tỏ lòng”- Phạm Ngũ Lão</b>	<b>6,0</b>
		<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài NLVH</p> <p>Mở bài giới thiệu được bài ca dao và vấn đề nghị luận; Thân bài phân tích được vấn đề nghị luận; Kết bài khẳng định được vấn đề nghị luận và nêu lên bài học/ cảm nghĩ cá nhân.</p>	0,5
		<p>b. Xác định đúng yêu cầu đề bài:</p> <p>Bài thơ “Tỏ lòng”</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p>- Học sinh xác định đúng yêu cầu của đề bài: 0,5 điểm.</p>	0,5

	- Học sinh xác định không đúng yêu cầu của đề bài: 0 – 0,25 điểm.	
	<b>c. Triển khai VĐNL</b> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo được các nội dung sau	
	* <b>Mở bài:</b> Giới thiệu tác giả, tác phẩm, trích thơ. <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Học sinh đáp ứng được 2 yêu cầu: 0,5 điểm - Học sinh đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0,5
	* <b>Thân bài:</b> ** <b>Cảm nhận về nội dung của bài thơ:</b> - Vẻ đẹp mang tầm vóc, lí tưởng cao cả của người anh hùng. - Vẻ đẹp hào hùng của thời đại Đông A. - Tâm sự mang tinh thần trách nhiệm với Tổ quốc của tác giả. <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm - Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 2,25 điểm - 1,25 điểm. - Trình bày chung chung, chưa rõ: 0,25 điểm – 1,0 điểm	2,5
	** <b>Nghệ thuật</b> + Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật hàm súc, cô đọng + Hình ảnh kì vĩ có tính biểu tượng cao + Bút pháp hiện thực và lãng mạn, mang màu sắc sử thi <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Học sinh đáp ứng được 2 yêu cầu: 0,5 điểm - Học sinh đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0,5
	* <b>Kết bài:</b> Đánh giá chung về bài thơ và rút ra bài học/ cảm nghĩ cá nhân - Bài thơ thể hiện vẻ đẹp của con người, thời đại nhà Trần và vẻ đẹp nhân cách cao cả của Phạm Ngũ Lão. - Liên hệ: xác định con đường lập thân, lập nghiệp của tuổi trẻ hôm nay <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Học sinh đáp ứng được 2 yêu cầu: 0,5 điểm - Học sinh đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0,5
	<b>d. Chính tả, ngữ pháp</b> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. <b>Hướng dẫn chấm:</b>	0,5

	<i>Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i>	
	<p><b>e. Sáng tạo</b></p> <p>Vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p>- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.</p> <p>- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0,5
<b>Tổng điểm</b>		<b>10,0</b>

**TRƯỜNG THPT BẢO LỘC  
ĐỀ MINH HỌA SỐ 3**

**KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2021 – 2022  
MÔN: NGỮ VĂN 10**

*Thời gian làm bài 90 phút, không kể thời gian phát đề*

Họ và tên học sinh: ..... Lớp .....

**I. ĐỌC – HIỂU (4 điểm)**

**Đọc văn bản:**

*Người ta đi cấy lấy công,  
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.  
Trông trời, trông đất, trông mây,  
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.  
Trông cho chân cứng đá mềm,  
Trời êm biển lặng mới yên tấm lòng.*

*(Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam, Vũ Ngọc Phan, NXB Khoa học xã hội, 1978)*

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

**Câu 2.** Tìm một thành ngữ được dùng trong văn bản.

**Câu 3.** Nhân vật trữ tình trong bài ca dao trên có điểm gì khác với “người ta” ?

**Câu 4.** Giải thích nghĩa của từ “trông” được sử dụng trong văn bản.

**Câu 5.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong bài ca dao

**Câu 6.** Từ bài ca dao trên, anh/chị có cảm nhận như thế nào về công việc của nhà nông?

**II. LÀM VĂN (6 điểm)**

Phân tích bài thơ “*Cảnh ngày hè*”- Nguyễn Trãi để làm rõ vẻ đẹp của bức tranh ngày hè và tâm hồn của tác giả.

-----HẾT-----

TRƯỜNG THPT BẢO LỘC  
ĐỀ MINH HỌA SỐ 3

KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2021 – 2022

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn: Ngữ văn, lớp 10

(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm 04 trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		<b>ĐỌC HIỂU</b>	<b>4,0</b>
	1	<p>Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Biểu cảm</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm.</li> <li>- Học sinh trả lời không đúng phương thức biểu đạt chính: không cho điểm.</li> </ul>	0,5
	2	<p>Một thành ngữ được dùng trong văn bản: <i>chân cứng đá mềm</i> hoặc <i>trời êm biển lặng</i>.</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh trả lời đúng yêu cầu như Đáp án : 0,5 điểm.</li> <li>- Học sinh trả lời không đúng yêu cầu: không cho điểm.</li> </ul>	0,5
	3	<p>Nhân vật trữ tình trong bài ca dao trên khác với “<i>người ta</i>” ở chỗ: không phải đi cấy thuê mà cấy trên ruộng nhà.</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh trả lời đúng yêu cầu như Đáp án: 0,5 điểm</li> <li>- Học sinh trả lời “<i>cấy trên ruộng nhà</i>”: 0,25 điểm</li> <li>- Học sinh chép lại câu thơ hay trả lời không đúng yêu cầu: không cho điểm.</li> </ul>	0,5
	4	<p>Từ “<i>trông</i>” trong văn bản vừa có nghĩa là quan sát, theo dõi, phân tích; vừa có nghĩa là lo lắng; mong đợi, hi vọng.</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh trả lời 03 yêu cầu như Đáp án: 0,75 điểm</li> <li>- Học sinh trả lời 02 yêu cầu như Đáp án: 0,5 điểm</li> <li>- Học sinh trả lời được 01 yêu cầu trong Đáp án: 0,5 điểm</li> </ul>	0,75

		- Học sinh trả lời không đúng yêu cầu nào: không cho điểm.	
5		- Biện pháp tu từ liệt kê trong bài ca dao: <i>trông trời, trông đất, trông mây, trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm, trông cho chân cứng đá mềm, trời yên biển lặng. (0.5đ)</i> - Tác dụng: giải bày những nỗi lo toan, vất vả của người nông dân để làm ra hạt lúa nuôi đời, từ đó khơi gợi sự đồng cảm của mọi người với công việc của họ. (0.5đ)	1.0
6		<i>Học sinh nêu cảm nhận về công việc của nhà nông: nhiều khó khăn, vất vả, nhọc nhằn với bao nỗi lo toan...</i> <b>Hướng dẫn chấm:</b> + Trình bày thuyết phục: 0,75 điểm; + Trình bày chung chung: 0,5 điểm; + Trình bày thiếu thuyết phục: 0,25 điểm.	0.75
<b>II</b>		<b>LÀM VĂN</b>	<b>6,0</b>
		Phân tích bài thơ “ <i>Cảnh ngày hè</i> ”- Nguyễn Trãi để làm rõ vẻ đẹp của bức tranh ngày hè và tâm hồn của tác giả.	<b>6,0</b>
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài NLVH</i> Mở bài giới thiệu được bài ca dao và vấn đề nghị luận; Thân bài phân tích được vấn đề nghị luận; Kết bài khẳng định được vấn đề nghị luận và nêu lên bài học/ cảm nghĩ cá nhân.	0,5
		b. <i>Xác định đúng yêu cầu đề bài:</i> Vẻ đẹp của bức tranh ngày hè và tâm hồn của Nguyễn Trãi <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Học sinh xác định đúng yêu cầu của đề bài: 0,5 điểm. - Học sinh xác định không đúng yêu cầu của đề bài: 0 – 0,25 điểm.	0,5
		c. <i>Triển khai VĐNL</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo được các nội dung sau	
		* <i>Mở bài:</i> Giới thiệu vấn đề nghị luận (tác giả, tác phẩm, trích thơ) <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Học sinh đáp ứng được 2 yêu cầu: 0,5 điểm - Học sinh đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.	0,5
		* <i>Thân bài:</i> ** <i>Cảm nhận về vẻ đẹp của bức tranh ngày hè và tâm hồn của Nguyễn Trãi</i>	2,5

	<p>- Bức tranh thiên nhiên và cuộc sống ngày hè: đặc trưng cho mùa hè, tràn trề sức sống từ mọi góc nhìn, hài hòa theo quy luật hội họa, được cảm nhận bằng nhiều giác quan...</p> <p>- Vẽ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi : Tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, yêu đời qua bức tranh cảnh ngày hè; tấm lòng yêu nước, thương dân qua ước mong cuộc sống no đủ, thái bình cho muôn dân - tư tưởng nhân văn cao đẹp.</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p>- Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm</p> <p>- Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 2,25 điểm - 1,25 điểm.</p> <p>- Trình bày chung chung, chưa rõ: 0,25 điểm – 1,0 điểm</p>	
	<p><b>** Nghệ thuật</b></p> <p>- Sáng tạo trong thể thơ thất ngôn Đường luật xen lục ngôn</p> <p>- Sử dụng thành công phép đối và các từ láy, điển tích</p> <p>- Hình ảnh thơ giản dị, sống động...</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p>- Học sinh đáp ứng được 2 yêu cầu: 0,5 điểm</p> <p>- Học sinh đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0,5
	<p><b>* Kết bài: Đánh giá chung về bài thơ và rút ra bài học/ cảm nghĩ cá nhân</b></p> <p>- Vẽ đẹp đầy sức sống của cảnh ngày hè và vẽ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi – yêu thiên nhiên, yêu đời, yêu nước, thương dân thể hiện qua những rung động trữ tình dạt dào của nhà thơ trước cảnh thiên nhiên ngày hè.</p> <p>- Cảm nghĩ cá nhân.</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p>- Học sinh đáp ứng được 2 yêu cầu: 0,5 điểm</p> <p>- Học sinh đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0,5
	<p><b>d. Chính tả, ngữ pháp</b></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p>Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,5
	<p><b>e. Sáng tạo</b></p> <p>Vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p>	0,5

	<p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p>- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.</p> <p>- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	
<b>Tổng điểm</b>		<b>10,0</b>

**SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG  
TRƯỜNG THPT BẢO LỘC**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2021 – 2022  
MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 10**

*Thời gian làm bài 90 phút, không kể thời gian phát đề*

Họ và tên học sinh: ..... Lớp ..... Mã đề

### **I. TRẮC NGHIỆM (3.0điểm)**

**Đọc văn bản:**

#### ***Chiếm hết chỗ***

*Một người ăn mày hom hem, rách rưới, đến cửa nhà giàu xin ăn. Người nhà giàu không cho lại còn mắng:*

*- Bước ngay! Rõ trông như người ở dưới địa ngục mới lên ấy!*

*Người ăn mày nghe nói, vội trả lời:*

*- Phải, tôi ở dưới địa ngục mới lên đây.*

*Người nhà giàu nói:*

*- Đã xuống địa ngục sao không ở hẳn dưới ấy, còn lên đây làm gì cho bản mặt?*

*Người ăn mày đáp:*

*- Thế không ở được nên mới phải lên. Ở dưới ấy các nhà giàu chiếm hết cả chỗ rồi!*

*(Theo Trương Chính - Phong Châu, Tiếng cười dân gian*

*Việt Nam)*

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1.** Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.

**Câu 2.** Người nhà giàu có thái độ gì với người ăn xin?

**Câu 3.** Theo anh/chị, chi tiết người ăn mày đáp “ *Thế không ở được nên mới phải lên. Ở dưới ấy các nhà giàu chiếm hết cả chỗ rồi!*” có ý nghĩa gì ?

**Câu 4.** Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với anh/chị rút ra từ văn bản trên.

**II. TỰ LUẬN (7.0 điểm)**

Trình bày cảm nhận của anh/chị về bài ca dao sau:

Muối ba năm muối đang còn mặn,  
Gừng chín tháng gừng hầy còn cay.

Đôi ta nghĩa nặng tình dày,

Còn xa nhau đi nữa, cũng ba vạn sáu ngàn ngày mới xa.

(Theo *Ngữ văn 10*, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, tr. 84)

-----**HẾT**-----

**SỞ GD&ĐT LÂM ĐỒNG**  
**TRƯỜNG THPT BẢO LỘC**

**KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2021 - 2022**  
**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Môn: Ngữ văn, lớp 10**

(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm 03 trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
<b>I</b>		<b>ĐỌC HIỂU</b>	<b>3,0</b>
	<b>1</b>	Phương thức biểu đạt chính: tự sự <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời không đúng phương thức biểu đạt chính: không cho điểm.	0,5
	<b>2</b>	Thái độ của người nhà giàu: <u>khinh bỉ</u> , <u>coi thường</u> , <u>xua đuổi người ăn xin</u> và cho rằng họ chỉ thuộc về nơi địa ngục. <b>Hướng dẫn chấm:</b> - Học sinh trả lời như Đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 0,75 điểm. Hs trả lời 1 yêu cầu được 0,25đ HS trả lời không đúng không cho điểm	0,75
	<b>3</b>	Chi tiết “ <i>Thế không ở được nên mới phải lên. Ở dưới ấy các nhà giàu chiếm hết cả chỗ rồi!</i> ”	0.75

	<p>có ý nghĩa :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê phán thái độ khinh bỉ người khác của người nhà giàu, mỉa mai rằng địa ngục chính là chỗ của bọn nhà giàu đáng ghét đó.</li> <li>- Tạo nên tiếng cười ở phần kết thúc truyện.</li> </ul> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh trả lời như Đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương, hoặc trả lời được 2 : 0.75 điểm.</li> <li>- Học sinh trả lời 1 ý (0.5đ) .</li> </ul>	
4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh rút ra bài học ý nghĩa nhất với bản thân: không được coi thường người khác, sống có tấm lòng, biết chia sẻ giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn hơn mình.</li> <li>- Trình bày thuyết phục.</li> </ul> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh nêu bài học: 0,25 điểm</li> <li>- Học sinh trình bày, lí giải:</li> <li>+ Trình bày thuyết phục: 0,75 điểm;</li> <li>+ Trình bày chung chung :0,5 điểm;</li> <li>+ Trình bày thiếu thuyết phục : 0.25đ</li> </ul>	1.0
<b>II</b>	<b>LÀM VĂN</b>	<b>7,0</b>
	<b>Trình bày cảm nhận của anh/chị về bài ca dao: Khăn thương nhớ ai...</b>	<b>7,0</b>
	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i></p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề</p>	0,5
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i></p> <p>Bài ca dao Khăn thương nhớ ai...</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.</li> <li>- Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.</li> </ul>	0,5
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	
	<p>* Giới thiệu về ca dao yêu thương tình nghĩa và bài ca dao <i>Muối ba năm...</i></p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p>	0,5

	<p>- Giới thiệu ca dao, chủ đề ca dao yêu thương: 0.25 điểm</p> <p>- Giới thiệu bài ca dao Khăn thương nhớ ai: 0.25 điểm</p>	
	<p>- <b>Hai câu đầu</b> dùng hình ảnh “muối” và “gừng” nâng lên làm biểu tượng: “ <i>Muối ba năm muối đang còn mặn/ Gừng chín tháng gừng hãy còn cay</i>”</p> <p>+ Hình ảnh gợi sự liên tưởng đến hương vị tình người trong cuộc sống.</p> <p>+ <i>Muối mặn</i> còn ẩn dụ cho tình nghĩa maên maø . <i>Gừng cay</i> nói đến cuoác ñôøi cay ñaéng . Tình ngôøøi coù traùi qua cay ñaéng, ngoiït buøi môøi saâu naéng, beàn võõng.</p> <p>+ Từ ngữ chỉ thời gian: “<i>3 năm, 9 tháng</i>”. (chỉ khoảng thời gian dài). Kết hợp với những từ ngữ “<i>muối đang còn mặn</i>”, “<i>gừng hãy còn cay</i>” để chỉ độ mặn của muối, độ cay của gừng bền vững theo thời gian , biểu tượng cho tình nghĩa thủy chung của vợ chồng.</p> <p><b>Hai câu sau:</b></p> <p>+ Thành ngữ “<i>nghĩa nặng tình dày</i>”: Khẳng định tình nghĩa sâu nặng, gắn bó của vợ chồng, cùng nhau trải qua những cay đắng của cuộc đời.</p> <p>+ Cách nói vòng “Có xa nhau đi nữa cũng ba vạn sáu ngàn ngày mới xa” tức 100 năm, một đời người. Sống hết đời người mới xa nhau cũng có nghĩa là không bao giờ xa. Câu bát biến thể kéo dài thành 13 âm tiết là lời khẳng định chắc chắn , một lời thề nguyện tạo ấn tượng sâu sắc cho người nghe về sự bình dị chân tình nhưng son sắt .</p> <p>- <b>Nghệ thuật:</b> Dùng hình ảnh biểu tượng, thể thơ song thất lục bát biến thể, lối nói mộc mạc giản dị, bài ca dao là lời khẳng định tình nghĩa thủy chung, sâu nặng.</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p>- Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 3.0 điểm</p> <p>- Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 2,75 điểm - 1,5 điểm.</p> <p>- Trình bày chung chung, chưa rõ: 0,25 điểm – 1,25 điểm</p>	3.5
	<p> * <b>Đánh giá:</b></p> <p>Đánh giá chung về bài ca dao:</p> <p>- Bài ca dao đã thể hiện một cách sâu sắc tâm tư, tình cảm, vẻ đẹp tâm hồn của người bình dân Việt Nam xưa.</p> <p>- Đây là nét đẹp tâm hồn vốn được đề cao của con người.</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p>- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</p>	0.5 đ
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p>	0,5

	<p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p><b>Hướng dẫn chấm:</b></p> <p><i>Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i></p>	
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <p><b>Hướng dẫn chấm</b></p> <p>+ <i>Đáp ứng được 3 yêu cầu trở lên: 1,0 điểm.</i></p> <p>+ <i>Đáp ứng được 2 yêu cầu: 0,75 điểm.</i></p> <p>+ <i>Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,5 điểm.</i></p>	0,5đ
<b>Tổng điểm</b>		<b>10,0</b>

----- Hết -----

